SAO Y
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre
Thời gian ký: 01/03/2023 15:08:51 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07 /2023/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 01 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá và phân loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 310/TTr-SNV ngày 22 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá và phân loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12. tháng 3 năm 2023 và thay thế Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Bộ Nội vụ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm Tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng TU;
- UB MTTQ VN và các Đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Đài PTTH, Báo Đồng Khởi (đưa tin);
- Phòng KGVX, TH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá và phân loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, phân loại công tác dân vận và thẩm quyền, trình tự thực hiện phân loại công tác dân vận đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp (gọi chung là các sở, ban, ngành tỉnh) và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp

1. Việc đánh giá, phân loại hàng năm về công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa bàn theo quy định. Trên cơ sở đánh giá nhằm phát huy các nhân tố tích cực trong công tác dân vận chính quyền, góp phần tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ quan nhà nước.

2. Việc đánh giá, phân loại hàng năm về công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp là căn cứ để xem xét, đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước, người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Kết quả đánh giá, phân loại là một trong những tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá công tác dân vận

Việc chấm điểm cụ thể dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả công việc đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí và đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ, có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Chương II
TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Tiêu chí và thang điểm đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước

1. Đối với cơ quan hành chính nhà nước: đánh giá theo 09 tiêu chí, gồm:

a) Tiêu chí 1: Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản (04 điểm).

b) Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị (20 điểm).

c) Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính (18 điểm).

d) Tiêu chí 4: Thực hiện Đạo đức công vụ và Văn hóa công vụ (17 điểm).

đ) Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (10 điểm).

e) Tiêu chí 6: Thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (08 điểm).

g) Tiêu chí 7: Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị - xã hội tham gia giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng chính quyền theo Quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (10 điểm).

h) Tiêu chí 8: Thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo (09 điểm).

i) Tiêu chí 9: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo (04 điểm).

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: đánh giá theo 08 tiêu chí, gồm:

a) Tiêu chí 1: Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản (04 điểm).

b) Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị (20 điểm).

c) Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính (20 điểm).

d) Tiêu chí 4: Thực hiện Đạo đức công vụ và Văn hóa công vụ (17 điểm).

đ) Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (20 điểm).

e) Tiêu chí 6: Thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (06 điểm).

g) Tiêu chí 7: Thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo (09 điểm).

h) Tiêu chí 8: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo (04 điểm).

Điều 5. Phương pháp đánh giá và phân loại công tác dân vận

1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá các tiêu chí dựa trên mức độ thực hiện các tiêu chí của cơ quan, đơn vị và được chấm điểm ở các mức độ khác nhau theo hướng dẫn tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quy định này.

2. Phân loại công tác dân vận

Việc phân loại công tác dân vận căn cứ vào tổng số điểm đạt được của cơ quan, đơn vị và số điểm đạt được của từng tiêu chí tại Điều 4 Quy định này. Các mức phân loại như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc: có tổng số điểm đạt từ 90 điểm trở lên và các tiêu chí (9 tiêu chí đối với cơ quan hành chính nhà nước, 8 tiêu chí đối với đơn vị sự nghiệp công lập) đều đạt từ 50% số điểm trở lên.

b) Hoàn thành tốt: có tổng số điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm hoặc có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên nhưng không được phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Hoàn thành: có tổng số điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Không hoàn thành: có tổng số điểm đạt dưới 50 điểm.

3. Cơ quan, đơn vị được phân loại không hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý với hình thức trên mức cảnh cáo.

b) Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tham nhũng qua kết luận thanh tra và đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra.

c) Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền kết luận là mất đoàn kết nội bộ.

Chương III
THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN PHÂN LOẠI CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự thực hiện phân loại công tác dân vận hàng năm

1. Thẩm quyền quyết định phân loại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trình tự thực hiện

a) Đối với cấp huyện: Trong tháng 11 hàng năm, các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Phòng Nội vụ cấp huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ tư vấn xét, đánh giá, phân loại công tác dân vận của các cơ quan, đơn vị. Thành phần Tổ tư vấn gồm đại diện các cơ quan: Phòng Nội vụ, Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và các phòng, ban có liên quan. Trưởng Phòng Nội vụ làm Tổ trưởng và Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Tổ tư vấn.

Tổ tư vấn tiến hành họp để xét, chấm điểm, đánh giá, phân loại công tác dân vận của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phân loại trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

b) Đối với cấp tỉnh: Trong tháng 12 hàng năm, các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ tư vấn xét, đánh giá, phân loại công tác dân vận của các cơ quan, đơn vị. Thành phần Tổ tư vấn gồm: Lãnh đạo Sở Nội vụ (Chủ tịch Hội đồng), mời đại diện Ban Dân vận Tỉnh ủy làm Phó Chủ tịch Hội đồng và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh làm ủy viên.

Tổ tư vấn tiến hành họp để xét, chấm điểm, đánh giá, phân loại công tác dân vận của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự công nhận cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục

1. Thẩm quyền quyết định công nhận

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục.

2. Trình tự thực hiện

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày được phân loại công tác dân vận chính quyền hàng năm, các cơ quan, đơn vị rà soát, đề nghị công nhận đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục như sau:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân loại hàng năm:

Cơ quan, đơn vị đề nghị công nhận gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Nội vụ cấp huyện). Phòng Nội vụ cấp huyện thẩm định,

tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) xem xét công nhận.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại hàng năm:

Cơ quan, đơn vị đề nghị công nhận gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ. Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục.

3. Thời gian áp dụng

Việc công nhận cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục được thực hiện sau khi thực hiện phân loại công tác dân vận chính quyền năm 2024.

Điều 8. Khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục

1. Thẩm quyền khen thưởng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định tặng Bằng khen cho các cơ quan, đơn vị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục.

2. Điều kiện khen thưởng:

Cơ quan, đơn vị được khen thưởng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục.

b) Cơ quan, đơn vị không bị cấp trên phê bình bằng văn bản.

c) Trong năm đề nghị khen thưởng, Đảng bộ (chi bộ) cơ quan, đơn vị được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Trình tự thực hiện

a) Sau khi được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục, cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng khen thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tại khoản 2 Điều 1 Quy định này

a) Dựa trên nguyên tắc, các tiêu chí và phương pháp đánh giá, phân loại theo Quy định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, phân loại công tác dân vận.

b) Việc đánh giá phải đảm bảo hồ sơ, tài liệu minh chứng.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Triển khai, hướng dẫn các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy định này.

b) Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quy định này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tổ chức đánh giá nội dung tiêu chí quy định tại điểm g khoản 1 Điều 4 Quy định này (được cụ thể hóa tại mục số 7 Phụ lục I) đối với các sở, ban, ngành tỉnh và hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức đánh giá tiêu chí này đối với các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã; gửi các cơ quan, đơn vị trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để xem xét, tự đánh giá công tác dân vận tại các cơ quan, đơn vị.

4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Rà soát, tổng hợp, thẩm định, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác dân vận 05 năm liên tục.

d) Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc đánh giá, xét công nhận công tác dân vận của các cơ quan nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ảnh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Phụ lục I

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ, CÁCH ĐÁNH GIÁ
1	**Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản**	**4**	
	Cụ thể hóa, triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận	4	Có văn bản triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Dân vận Tỉnh ủy về công tác dân vận (đối với các cơ quan thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thì thực hiện theo văn bản triển khai của cơ quan Đảng, Nhà nước cấp huyện): 04 điểm (nêu cụ thể các văn bản hoặc hoạt động triển khai của đơn vị). Nếu chưa đầy đủ, kịp thời cụ thể hóa tùy theo mức độ, đơn vị sẽ đánh giá chấm điểm thấp hơn.
2	**Thực hiện nhiệm vụ chính trị**	**20**	
2.1	Thực hiện tốt, đạt/vượt kết quả các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hàng năm	10	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo đánh giá kết quả công tác năm của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: số điểm đạt được bằng số nhiệm vụ thực hiện đạt/ số nhiệm vụ đề ra và được giao trong năm x 10.
2.2	Chủ động trong tham mưu, đề xuất những nội dung, công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh, góp phần tạo đột phá trong thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm, trọng điểm của tỉnh	5	- Cơ sở đánh giá: đơn vị nêu những nội dung cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu, đề xuất hoặc triển khai thực hiện. - Cách đánh giá: mỗi nội dung chủ động tham mưu, đề xuất thực hiện được cộng 01 điểm (tối đa 05 điểm).

2.3	Thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh (cấp huyện) giao	5	- Đối với các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện: đánh giá trên cơ sở Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh. Cách đánh giá: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành nhưng quá hạn bị trừ 0.25 điểm; chưa hoàn thành (quá hạn) trừ 0.5 điểm. - Đối với cơ quan cấp huyện và UBND cấp xã: đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện giao (Giao UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn đánh giá).
3	**Thực hiện công tác cải cách hành chính**	**18**	
3.1	Thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương (thông qua đánh giá chỉ số cải cách hành chính hàng năm)	10	- Cơ sở đánh giá: theo Quyết định Công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã. - Cách đánh giá: số điểm được đánh giá, công bố (trong năm đánh giá)/10.
3.2	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành hành chính nhà nước	6	- Cơ sở đánh giá: theo kết quả xác định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành hành chính nhà nước. - Cách đánh giá: số điểm đạt được (trong năm đánh giá) x 6/100.
3.3	Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tổ chức, cá nhân	2	- Cơ sở đánh giá: trên cơ sở số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận trực tuyến (so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan, đơn vị) x 2.
4	**Thực hiện Đạo đức công vụ và Văn hóa công vụ**	**17**	

4.1	Người đứng đầu thể hiện vai trò nêu gương trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đạo đức, lối sống	2	- Cơ sở đánh giá: đánh giá của cơ quan, đơn vị qua thực hiện các nội dung nêu gương theo Quyết định số 272-QĐ/TU ngày 22/10/2021 của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên và tiêu chí đánh giá thực hiện trách nhiệm nêu gương: (1) về tư tưởng chính trị; (2) đạo đức, lối sống, tác phong; (3) tự phê bình, phê bình; (4) quan hệ với Nhân dân; (5) trách nhiệm trong công tác; (6) ý thức tổ chức kỷ luật; (7) đoàn kết nội bộ. - Cách đánh giá: thực hiện tốt các nội dung đạt 02 điểm; mỗi nội dung thực hiện không tốt bị trừ 0.25 điểm.
4.2	Cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) vi phạm kỷ luật và bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	9	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: không có người bị xử lý kỷ luật: 9 điểm; có người bị xử lý kỷ luật: 0 điểm (đối với UBND cấp xã: tính cả người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc khối Nhà nước)[1].
4.3	CBCCVC thực hiện tốt các nội dung: - Nội dung "Ba không, ba nên, ba cần", - Phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", - Phong cách "nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn dân làm, làm dân tin", - Không mắc bệnh thành tích, hành chính, quan liêu xa dân.	3	- Cơ sở đánh giá: trên cơ sở báo cáo của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: Mỗi nội dung thực hiện mức độ "tốt" đạt 0.75 điểm; mức độ "khá" đạt 0.5 điểm; mức độ "đạt" đạt 0.25 điểm; không đạt thì không tính điểm. (Mức độ "tốt": có 100% CBCCVC thực hiện tốt; Mức độ "khá": có trên 80% CBCCVC thực hiện tốt; Mức độ "đạt": có từ 60-80% CBCCVC thực hiện tốt; "Không đạt": có dưới 60% CBCCVC thực hiện tốt.

[1] Các chức danh: Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự; Đài Truyền thanh; Quản lý nhà nước về trẻ em, giảm nghèo và xã hội; Xây dựng nông thôn mới - Xây dựng đô thị.

4.4	Thực hiện tốt các nội dung về Văn hóa công vụ	3	- Cơ sở đánh giá: đánh giá của cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tốt 4 nội dung của Văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Cách đánh giá: Mỗi nội dung thực hiện mức độ "tốt" đạt 0.75 điểm; mức độ "khá" đạt 0.5 điểm; mức độ "đạt" đạt 0.25 điểm; không đạt thì không tính điểm. (Mức độ "tốt": có 100% CBCCVC thực hiện tốt; Mức độ "khá": có trên 80% CBCCVC thực hiện tốt; Mức độ "đạt": có từ 60-80% CBCCVC thực hiện tốt; "Không đạt": có dưới 60% CBCCVC thực hiện tốt.
5	**Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị**	**10**	
5.1	Thực hiện tốt các nội dung về dân chủ trong nội bộ	5	- Cơ sở đánh giá: đánh giá việc thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Cách đánh giá: + Người đứng đầu thực hiện tốt 10 nội dung theo Điều 4 đạt 2.5 điểm (mỗi nội dung đạt 0.25 điểm). Thực hiện chưa tốt: 0 điểm; + CBCCVC thực hiện đúng và đầy đủ 5 nội dung theo Điều 6 đạt 2.5 điểm (mỗi nội dung đạt 0.5 điểm). Thực hiện chưa tốt: 0 điểm.
5.2	Thực hiện tốt dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan tổ chức	5	- Cơ sở đánh giá: đánh giá việc thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Cách đánh giá: + Người đứng đầu thực hiện tốt 5 nội dung theo Điều 13 đạt 2.5 điểm (mỗi nội dung đạt 0.5 điểm). Thực hiện chưa tốt: 0 điểm; + CBCCVC thực hiện đúng và đầy đủ 4 nội dung theo Điều 14 đạt 2.5 điểm. Thực hiện chưa đúng, chưa đủ: 0 điểm.

6	**Thực hiện công tác tiếp dân và Giải quyết khiếu nại, tố cáo**	**8**	
6.1	Cơ quan, đơn vị có bố trí lịch tiếp dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị	1	Có văn bản công khai lịch tiếp dân của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị: 01 điểm; không có: 0 điểm.
6.2	Giải quyết/ tham mưu giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân, không để tồn đọng, kéo dài	3	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo của cơ quan đơn vị (nêu rõ số đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tiếp nhận và số lượng xử lý, giải quyết kịp thời, đúng hạn). - Cách tính điểm: (số lượng giải quyết hoặc tham mưu giải quyết đúng hạn/số lượng tiếp nhận) x 3.
6.3	Không có vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài và tạo thành điểm nóng; thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở	4	- Đối với Sở, ngành tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện: không có vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài (mới phát sinh trong năm) thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách thì đạt 04 điểm; nếu có thì không đạt điểm. - Đối với UBND cấp huyện: không có vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài và tạo thành điểm nóng (mới phát sinh trong năm) thì đạt 04 điểm; nếu có thì không đạt điểm. - Đối với UBND cấp xã: tỷ lệ hòa giải cơ sở thành x 4.
7	**Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị-xã hội tham gia giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng chính quyền theo Quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị**	**10**	Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội cùng cấp đánh giá, chấm điểm việc tạo điều kiện của chính quyền cùng cấp (cấp tỉnh: đánh giá các Sở, ban, ngành tỉnh: cấp huyện đánh giá UBND và các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện; cấp xã: đánh giá UBND cấp xã) thông qua các nội dung: - Việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phục vụ cho việc giám sát, phản biện xã hội của cơ quan chính quyền: 03 điểm.

			- Việc xử lý những đề xuất, kiến nghị, phản ánh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội: 03 điểm. - Việc phối hợp của cơ quan chính quyền trong việc phát huy dân chủ, chăm lo đời sống của người dân: 04 điểm. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm đến các cơ quan, đơn vị cùng cấp để các cơ quan, đơn vị biết, chấm điểm hàng năm.
8	**Thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo**	**9**	
8.1	Có đăng ký mô hình Dân vận khéo hàng năm	4	Có văn bản đăng ký mô hình Dân vận khéo: 04 điểm; không có: 0 điểm.
8.2	Được công nhận mô hình Dân vận khéo hàng năm	5	Có văn bản công nhận mô hình Dân vận khéo của cấp có thẩm quyền: 05 điểm; không có: 0 điểm.
9	**Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo**	**4**	
9.1	Gửi báo cáo đánh giá, chấm điểm đúng hạn	2	Theo ngày nhận được của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ. Đúng hạn: 02 điểm; không đúng hạn: 0 điểm.
9.2	Nội dung chấm điểm và hồ sơ thuyết minh rõ ràng, đúng quy định	2	Nội dung báo cáo chấm điểm có thuyết minh rõ ràng, điểm chấm sát với quy định.
	Tổng điểm	**100**	

Ghi chú: Trường hợp không có kết quả đánh giá cụ thể đối với cơ quan, đơn vị thì Tổ tư vấn xem xét, đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trên cơ sở kết quả tự chấm của cơ quan, đơn vị.

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ, CÁCH ĐÁNH GIÁ
1	**Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản**	**4**	
	Cụ thể hóa, triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận	4	Có văn bản triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Dân vận Tỉnh ủy về công tác dân vận (đối với các cơ quan thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thì thực hiện theo văn bản triển khai của cơ quan Đảng, Nhà nước cấp huyện): 04 điểm (nêu cụ thể các văn bản hoặc hoạt động triển khai của đơn vị). Nếu chưa đầy đủ, kịp thời cụ thể hóa tùy theo mức độ, đơn vị sẽ đánh giá chấm điểm thấp hơn.
2	**Thực hiện nhiệm vụ chính trị**	**20**	
2.1	Thực hiện tốt, đạt/vượt kết quả các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hàng năm	15	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo đánh giá kết quả công tác năm của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: số điểm đạt được bằng số nhiệm vụ thực hiện đạt/số nhiệm vụ đề ra và được giao trong năm x 15.
2.2	Chủ động trong thực hiện, tham mưu, đề xuất những nội dung, công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội hàng năm	5	- Cơ sở đánh giá: đơn vị nêu những nội dung cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu, đề xuất hoặc triển khai thực hiện. + Đối với các Ban Quản lý dự án: có những đề xuất những giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đạt kết

	của tỉnh, góp phần tạo đột phá trong thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm, trọng điểm của tỉnh		quả; + Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại: có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị, tiến đến tự chủ. - Cách đánh giá: Đơn vị báo cáo cụ thể những giải pháp đã thực hiện và kết quả thực hiện. Mỗi giải pháp thực hiện hiệu quả được cộng 01 điểm (tối đa 5 điểm).
3	**Thực hiện công tác cải cách hành chính**	**20**	
3.1	Ban hành đầy đủ, kịp thời các quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị	4	- Nội dung đánh giá: việc ban hành các quy định liên quan đến hoạt động của đơn vị (đơn vị báo cáo cụ thể tên văn bản, ngày ban hành) như: Nội quy cơ quan; quy chế làm việc (quy chế tổ chức và hoạt động); quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế khen thưởng; quy chế nâng lương. - Cách đánh giá: mỗi nội dung ban hành chưa kịp thời bị trừ 0.5 điểm.
3.2	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2	- Nội dung đánh giá: kịp thời sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố. - Cách đánh giá: thực hiện đúng quy định: 02 điểm; chưa đúng quy định: 0 điểm.
3.3	Việc quản lý, sử dụng viên chức	14	Cách đánh giá: đánh giá việc thực hiện tốt 7 nội dung (mỗi nội dung đạt 02 điểm): 1. Thực hiện cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm và bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: - Ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của đơn vị: 01 điểm; Đã ban hành nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0,5 điểm. Chưa ban hành: 0 điểm. - Bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 01

			điểm; bố trí không đúng: 0 điểm. 2. Thực hiện quản lý số lượng người làm việc, tuyển dụng viên chức và ký hợp đồng làm việc: - Có ban hành kế hoạch số lượng người làm việc đầy đủ, kịp thời: 01 điểm; không ban hành: 0 điểm. - Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng và ký hợp đồng viên chức tại đơn vị: 01 điểm; không đúng quy định: 0 điểm. 3. Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, giải quyết chế độ thôi việc: Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; không đúng quy định: 0 điểm. 4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức quản lý: 100% viên chức quản lý được bổ nhiệm đúng quy định: 02 điểm; có trường hợp không đúng quy định: 0 điểm. 5. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật viên chức: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định: 02 điểm; chưa đúng quy định: 0 điểm. 6. Thực hiện chế độ tiền lương, các chính sách đãi ngộ, chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức: Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; không đúng quy định: 0 điểm. 7. Lập, quản lý hồ sơ viên chức: Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; không đúng quy định: 0 điểm.
4	**Thực hiện Đạo đức công vụ và Văn hóa công vụ**	**17**	

4.1	Người đứng đầu thể hiện vai trò nêu gương trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đạo đức, lối sống	2	- Cơ sở đánh giá: đánh giá của cơ quan, đơn vị qua thực hiện các nội dung nêu gương theo Quyết định số 272-QĐ/TU ngày 22/10/2021 của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên và tiêu chí đánh giá thực hiện trách nhiệm nêu gương: (1) về tư tưởng chính trị; (2) đạo đức, lối sống, tác phong; (3) tự phê bình, phê bình; (4) quan hệ với Nhân dân; (5) trách nhiệm trong công tác; (6) ý thức tổ chức kỷ luật; (7) đoàn kết nội bộ. - Cách đánh giá: thực hiện tốt các nội dung đạt 02 điểm; mỗi nội dung thực hiện không tốt bị trừ 0.25 điểm.
4.2	Cơ quan, đơn vị không có viên chức (VC) vi phạm kỷ luật và bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	9	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: không có người bị xử lý kỷ luật: 09 điểm; có người bị xử lý kỷ luật: 0 điểm.
4.3	VC thực hiện tốt các nội dung: - Nội dung "Ba không, ba nên, ba cần"; - Phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân"; - Phong cách "nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn dân làm, làm dân tin"; - Khắc phục bệnh thành tích, hành chính, quan liêu xa dân.	3	- Cơ sở đánh giá: Đánh giá của cơ quan, đơn vị. - Cách đánh giá: Mỗi nội dung thực hiện mức độ "tốt" đạt 0.75 điểm; mức độ "khá" đạt 0.5 điểm; mức độ "đạt" đạt 0.25 điểm; không đạt thì không tính điểm. (Mức độ "tốt": có 100% VC thực hiện tốt; Mức độ "khá": có trên 80% VC thực hiện tốt; Mức độ "đạt": có từ 60-80% VC thực hiện tốt; "Không đạt": có dưới 60% VC thực hiện tốt.

4.4	Thực hiện tốt các nội dung về Văn hóa công vụ	3	- Cơ sở đánh giá: Đánh giá của cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tốt 4 nội dung của Văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Cách đánh giá: Mỗi nội dung thực hiện mức độ "tốt" đạt 0.75 điểm; mức độ "khá" đạt 0.5 điểm; mức độ "đạt" đạt 0.25 điểm; không đạt thì không tính điểm. (Mức độ "tốt": có 100% VC thực hiện tốt; Mức độ "khá": có trên 80% VC thực hiện tốt; Mức độ "đạt": có từ 60-80% CBCCVC thực hiện tốt; "Không đạt": có dưới 60% VC thực hiện tốt.
5	**Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị**	**20**	
5.1	Người đứng đầu và viên chức thực hiện tốt dân chủ trong nội bộ	10	- Cơ sở đánh giá: Đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Cách đánh giá: + Người đứng đầu thực hiện tốt 10 nội dung theo Điều 4 đạt 05 điểm (mỗi nội dung đạt 0.5 điểm); thực hiện chưa tốt: 0 điểm; + Viên chức thực hiện tốt 5 nội dung theo Điều 6 đạt 05 điểm (mỗi nội dung đạt 01 điểm); thực hiện chưa tốt: 0 điểm.
5.2	Người đứng đầu và viên chức thực hiện tốt dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan tổ chức	10	- Cơ sở đánh giá: Đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Cách đánh giá: + Người đứng đầu thực hiện tốt 5 nội dung theo Điều 13 đạt 05 điểm (mỗi nội dung đạt 01 điểm). Thực hiện chưa tốt: 0 điểm; + Viên chức thực hiện tốt 4 nội dung theo Điều 14 đạt 05 điểm; thực hiện chưa tốt: 0 điểm.
6	**Thực hiện công tác tiếp dân và Giải quyết khiếu nại, tố cáo**	**6**	
6.1	Cơ quan, đơn vị có bố trí lịch tiếp	3	Có văn bản công khai lịch tiếp dân của Người đứng đầu cơ quan,

	dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị		đơn vị: 03 điểm; không có: 0 điểm.
6.2	Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức.	3	- Cơ sở đánh giá: Báo cáo của cơ quan đơn vị (nêu rõ số đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tiếp nhận và số lượng xử lý, giải quyết kịp thời, đúng hạn). - Cách tính điểm: (số lượng giải quyết đúng hạn/số lượng tiếp nhận) x 3.
7	**Thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo**	**9**	
7.1	Có đăng ký mô hình Dân vận khéo hàng năm	4	Có đăng ký mô hình Dân vận khéo: 04 điểm; không có: 0 điểm.
7.2	Được công nhận mô hình Dân vận khéo hàng năm	5	Được công nhận mô hình Dân vận khéo của cấp có thẩm quyền: 5 điểm; không có: 0 điểm.
8	**Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo**	**4**	
8.1	Gửi báo cáo đánh giá, chấm điểm đúng hạn	2	Theo ngày nhận được của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ. Đúng hạn được 2 điểm; không đúng hạn: 0 điểm.
8.2	Nội dung chấm điểm và hồ sơ thuyết minh rõ ràng, đúng quy định	2	Nội dung báo cáo chấm điểm có thuyết minh rõ ràng, điểm chấm sát với quy định.
	Tổng điểm	**100**	

Ghi chú: Trường hợp không có kết quả đánh giá cụ thể đối với cơ quan, đơn vị thì Tổ tư vấn xem xét, đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trên cơ sở kết quả tự chấm của cơ quan, đơn vị.